

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **559** /VEAM-BPMS-TCNS

Hà Nội, ngày **02** tháng 8 năm 2023

V/v mời Chào giá gói mua sắm "Bảo hiểm sức
khoẻ cho Người quản lý, Người lao động tại Văn
phòng Công ty mẹ"

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) thông báo và kính mời các Nhà cung cấp quan tâm tham gia chào giá Bảo hiểm sức khoẻ cho Người quản lý, Người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ với nội dung như sau:

1. Tên gói mua sắm: Bảo hiểm sức khoẻ cho Người quản lý, Người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ.
2. Số lượng người mua bảo hiểm: Khoảng 160 người (Chia thành 05 chương trình).
3. Thời gian bảo hiểm: 01 năm.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

(Nội dung chi tiết theo Hồ sơ mời chào giá kèm theo Văn bản này).

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP thông báo và mong muốn được hợp tác cùng các Nhà cung cấp chuyên nghiệp./.

(Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với trường hợp không được lựa chọn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Đăng Website VEAM;
- Tổ thẩm định (QĐ số 111/QĐ-TGD);
- Lưu: VT, BPMS, TCNS.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ**



Phạm Tú Anh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 559/VEAM-BPMS-TCNS ngày 02/8/2023)

Tên gói mua sắm: Bảo hiểm sức khỏe cho Người quản lý, Người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ

Ngày phát hành HSMCG: 02/8/2023

Bên mời chào giá: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Hà Nội, tháng 8 năm 2023



Chương I. YÊU CẦU CHUNG

I. Tóm tắt thông tin gói mua sắm

1. Tên bên mời chào giá: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

2. Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm "Bảo hiểm sức khỏe cho Người quản lý, Người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ" với thông tin như sau:

- Tên gói mua sắm: Bảo hiểm sức khỏe cho Người quản lý, Người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ.
- Số lượng người mua bảo hiểm: Khoảng 160 người (Chia thành 05 chương trình).

- Thời gian bảo hiểm: 01 năm.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

II. Chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp HSCG

2.1. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp Hồ sơ chào giá (HSCG) này khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cấp;
- Hạch toán tài chính độc lập với VEAM;
- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với VEAM;
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.2. Thành phần HSCG

HSCG do Nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- Đơn chào giá theo Mẫu 01, Chương III;
- Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu 02, Chương III;
- Các tài liệu khác theo yêu cầu của HSMCG.

2.3. Thời gian hiệu lực của HSCG: Thời gian hiệu lực của HSCG là 45 ngày (kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá).

2.4. Nộp, tiếp nhận, mở và đánh giá HSCG

a) Nhà cung cấp nộp trực tiếp HSCG (được niêm phong) về địa chỉ:

- Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Địa chỉ: Toà nhà VEAM, ngõ 689, Lạc Long Quân, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội.

- Thời hạn nộp HSCG: Trước 15 giờ, ngày 09 tháng 8 năm 2023.

- Người tiếp nhận HSCG: Bà Phương Thị Quỳnh Mai, Chuyên viên Ban Đầu tư phát triển (Phòng 310 Tòa nhà VEAM), điện thoại: 024.62800802, Máy lẻ: 311.

- Số lượng HSCG phải nộp: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

(Nhà cung cấp không nộp đủ số lượng và thành phần HSCG trên, HSCG của Nhà cung cấp sẽ bị loại).

b) Mở HSCG: VEAM sẽ tiến hành mở HSCG lúc 15 giờ 30 phút ngày 09 tháng 8 năm 2023 để ghi nhận các nội dung: Tên Nhà cung cấp, giá chào, thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian hiệu lực của đơn chào giá. Nhà cung cấp tham gia nộp HSCG có thể cử cán bộ tham gia mở HSCG.

c) Bên mời chào giá đánh giá HSCG theo yêu cầu HSMCG. Trong quá trình đánh giá, bên mời chào giá có thể mời Nhà cung cấp đến làm rõ HSCG; mời Nhà cung cấp đáp ứng đến thương thảo hợp đồng.

2.5. Điều kiện xét lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSCG đáp ứng tất cả các yêu cầu trong HSMCG.

- Có giá chào (sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, giảm giá và sau khi tính ưu đãi nếu có) thấp nhất và không vượt giá gói mua sắm được duyệt.

III. Phạm vi công việc và tiêu chí lựa chọn Nhà cung cấp

Chi tiết phạm vi, quyền lợi bảo hiểm và tiêu chí đánh giá nêu tại Chương II của bản HSMCG này.

IV. Yêu cầu về giá chào

- Nhà cung cấp nộp Đơn chào giá và Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu 01, Mẫu 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là đã phân bổ giá của mục này vào mục khác của gói mua sắm, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMCG với đúng giá đã chào.

- Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn giá chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của HSMCG, kể cả thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.



- Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSCG.

V. Nội dung khác

1. Kết quả lựa chọn sẽ được gửi đến tất cả các Nhà cung cấp tham gia chào giá theo đường bưu điện.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp, trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký hợp đồng, Nhà cung cấp không được lựa chọn có thể gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn, Bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp.

Chương II. PHẠM VI, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP

I. Phạm vi, quyền lợi Bảo hiểm

Nhà cung cấp phải đáp ứng cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/NGƯỜI/NĂM				
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
	Đối tượng tham gia bảo hiểm sức khỏe tại Văn phòng Công ty mẹ gồm: - Người quản lý; - Người lao động có giao kết Hợp đồng lao động không xác định thời hạn với VEAM và có tên trong danh sách đóng bảo hiểm của Văn phòng Công ty mẹ trong thời hạn bảo hiểm (không bao gồm người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ không hưởng lương).	- Chủ tịch Hội đồng quản trị; - Tổng Giám đốc.	- Thành viên HĐQT chuyên trách/không chuyên trách/độc lập; - Trưởng Ban kiểm soát; - Phó Tổng Giám đốc; - Kế toán trưởng; - Chủ tịch Công đoàn VEAM.	- Văn phòng/Văn phòng HĐQT, Trưởng ban và tương đương; - Trợ lý Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc; - Chánh Văn phòng Đảng ủy; - Phó Chủ tịch công đoàn VEAM.	- Kiểm soát viên chuyên trách/không chuyên trách; - Phó Trưởng ban và tương đương, Phụ trách Ban; - Thư ký Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc; - Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy.	- Chuyên viên, Kỹ sư/Cán sự, Kỹ thuật viên (bao gồm cả lao động biệt phái tại các đơn vị có vốn góp của VEAM); - Lái xe; - Lao động phổ thông; - Cán bộ chuyên trách tại Văn phòng Đảng ủy/Văn phòng Công đoàn
	Số lượng dự kiến	02 người	13 người	13 người	30 người	100 người
	Phạm vi địa lý được bảo hiểm	Toàn Cầu	Châu Á	Đông Nam Á	Việt Nam	Việt Nam
I	Bảo hiểm sinh mạng <i>Bảo hiểm cho trường hợp NĐBH chết, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do mọi nguyên nhân (không bao gồm nguyên nhân tai nạn)</i>	1.000.000.000	900.000.000	850.000.000	550.000.000	300.000.000
II	Chết, thương tật vĩnh viễn do tai nạn	1.000.000.000	900.000.000	850.000.000	550.000.000	300.000.000
1	Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	100% STBH	100% STBH	100% STBH	100% STBH	100% STBH
2	Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH
III	Chi phí y tế do tai nạn <i>(Theo chi phí thực tế, hợp lý, không vượt quá STBH)</i>	1.000.000.000	900.000.000	850.000.000	550.000.000	300.000.000
IV	Bảo hiểm sức khỏe					
1	Điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật, thai sản,...	1.200.000.000	960.000.000	870.000.000	390.000.000	250.140.000
1.1	Nằm viện do ốm bệnh, sinh thường, sinh mổ, biến chứng thai sản, tối đa 60 ngày/năm (chi phí y tế cần thiết và hợp lý cung cấp bởi bệnh viện trong quá trình nằm viện)	Chi phí thực tế tối đa 20.000.000/ngày và không quá 400.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 16.000.000/ngày và không quá 320.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 14.500.000/ngày và không quá 290.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 6.500.000/ngày và không quá 130.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 4.169.000/ngày và không quá 83.380.000/năm

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/NGƯỜI/NĂM				
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
1.2	Chi phí phẫu thuật do ốm bệnh, sinh mổ, biến chứng thai sản (chi phí cần thiết và hợp lý liên quan đến một ca phẫu thuật nội trú, phẫu thuật trong ngày hoặc phẫu thuật ngoại trú)	Chi phí thực tế tối đa 400.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 320.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 290.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 130.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 83.380.000/năm
1.3	Dịch vụ xe cứu thương (không bao gồm đường hàng không và dịch vụ cứu trợ IPA)	Chi phí thực tế tối đa 400.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 320.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 290.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 130.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 83.380.000/năm
1.4	Trợ cấp nằm viện (Tối đa 60 ngày/năm)	400.000/ngày	320.000/ngày	290.000/ngày	130.000/ngày	83.380/ngày
1.5	Chi phí trước khi nhập viện theo chỉ định của bác sĩ	Chi phí thực tế tối đa 20.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 16.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 14.500.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 6.500.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 4.169.000/năm
1.6	Chi phí điều trị sau khi xuất viện	Chi phí thực tế tối đa 20.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 16.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 14.500.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 6.500.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 4.169.000/năm
1.7	Chi phí y tá chăm sóc tại nhà	Chi phí thực tế tối đa 20.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 16.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 14.500.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 6.500.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 4.169.000/năm
1.8	Phục hồi chức năng	Chi phí thực tế tối đa 40.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 32.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 29.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 13.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 8.338.000/năm
1.9	Chi phí dưỡng nhĩ	600.000/năm	600.000/năm	600.000/năm	600.000/năm	600.000/năm
1.10	Trợ cấp mai táng	2.000.000/vụ	2.000.000/vụ	2.000.000/vụ	2.000.000/vụ	2.000.000/vụ
1.11	Quyền lợi thai sản	Chi phí thực tế tối đa 400.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 320.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 290.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 130.000.000/năm	Chi phí thực tế tối đa 83.380.000/năm
2	Điều trị ngoại trú (do ốm đau, bệnh tật) - Chi phí khám bệnh, - Tiền thuốc theo kê đơn của bác sĩ - Chi phí xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm - Điều trị bằng các phương pháp vật lý trị liệu, trị liệu học bức xạ, nhiệt, liệu pháp ánh sáng và các phương pháp điều trị khác tương tự do bác sĩ chỉ định - Điều trị răng -	30.000.000	30.000.000	25.000.000	20.000.000	15.000.000
3	Trợ cấp lương trong thời gian nghỉ điều trị do tai nạn	Tối đa 450.180.000/năm	Tối đa 350.280.000/năm	Tối đa 310.140.000/năm	Tối đa 210.060.000/năm	Tối đa 130.140.000/năm

II. Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp

Stt	Tiêu chí và Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
I	Về phạm vi, quyền lợi Bảo hiểm		
1	Phạm vi công việc	Chào đủ 100% phạm vi, quyền lợi Bảo hiểm theo Mục I, Chương II	Đạt
		Không chào đủ 100% phạm vi, quyền lợi Bảo hiểm theo Mục I, Chương II	Không đạt
2	Quyền lợi Bảo hiểm	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu phạm vi, quyền lợi Bảo hiểm theo Mục I, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng phạm vi, quyền lợi Bảo hiểm theo Mục I, Chương II	Không đạt
II	Yêu cầu về năng lực		
1	Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe, có Giấy phép thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.	Có Giấy phép thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe	Đạt
		Không có một trong các nội dung (Giấy phép thành lập/hoạt động hợp pháp tại Việt Nam/ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe)	Không đạt
2	Có Văn phòng Chi nhánh/Văn phòng đại diện tại các thành phố trực thuộc Trung ương.	Có Văn phòng Chi nhánh/Văn phòng đại diện tại các thành phố trực thuộc Trung ương.	Đạt
		Không có Văn phòng Chi nhánh/Văn phòng đại diện tại các thành phố trực thuộc Trung ương.	Không đạt
3	Chấp nhận chi trả các chi phí phát sinh về dịch vụ y tế (có hóa đơn, chứng từ,...hợp lệ) tại tất cả các phòng khám, bệnh viện.	Chấp nhận chi trả tại tất cả các phòng khám, bệnh viện khi có hóa đơn, chứng từ,...hợp lệ	Đạt
		Không chấp nhận hoặc chấp nhận tại một số phòng khám, bệnh viện.	Không đạt
III	Yêu cầu về kinh nghiệm		
1	Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Bảo hiểm sức khỏe.	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn	Đạt
		Không đáp ứng	Không đạt
2	Kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe với đơn vị có số lượng người tham gia bảo hiểm/hoặc giá trị hợp đồng bảo hiểm tương đương với gói dịch vụ này trở lên	Có tối thiểu 01 hợp đồng có giá trị bảo hiểm/số người tham gia bảo hiểm tương tự	Đạt
		Không có hợp đồng có giá trị bảo hiểm/số người tham gia bảo hiểm tương tự	Không đạt
IV	Các tiêu chí khác		
1	Thời gian chờ đợi với trường hợp ốm đau, bệnh	Miễn thời gian chờ đợi với các trường hợp trên	Đạt

	tật thông thường; điều trị bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn.	Không miễn thời gian chờ đối với các trường hợp trên	Không đạt
2	Dịch vụ tư vấn, hỗ trợ khách hàng 24/7	Có dịch vụ tư vấn, hỗ trợ khách hàng 24/7	Đạt
		Không có dịch vụ tư vấn, hỗ trợ khách hàng 24/7	Không đạt

Chương III. BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Đơn chào giá.
2. Mẫu số 02: Bảng tổng hợp giá chào.

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày:[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói mua sắm: Bảo hiểm sức khỏe cho Người quản lý, Người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ.

Kính gửi: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá mà chúng tôi nhận được, chúng tôi,[đơn vị chào giá] cam kết thực hiện gói mua sắm trên với tổng số tiền là.....đã bao gồm thuế VAT [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng tổng hợp giá chào kèm theo.

Chúng tôi cam kết:

1. Thông tin, tài liệu chúng tôi cung cấp trong HSCG là chính xác và hoàn toàn đúng sự thật, chúng tôi chịu mọi trách nhiệm về nội dung đã cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với VEAM; Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định.

HSCG này có hiệu lực trong thời gian 45 ngày, kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2023.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Chương trình 1			(A)
2	Chương trình 2...			(B)
3	...			
4	Cộng			C = A + B
5	Thuế VAT			D
6	Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào giá)			C + D

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]